

Số: 05 /TB-TTYT

Hòa Bình, ngày 10 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm thông báo đến các Công ty, nhà cung cấp có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu tham gia gửi báo giá thiết bị y tế như sau:

1. Danh mục thiết bị y tế cần báo giá:

STT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Giá báo	Ghi chú
01	<p>BƠM TIÊM ĐIỆN *Thông số kỹ thuật: Nguồn điện AC 200-240V \pm 10%, 50/60Hz (ở các vùng sử dụng nguồn 200V) Nguồn cung cấp DC: 12V \pm 5% Pin trong: - Pin Ni-MH DC 3.6V, 1500mAh - Thời gian hoạt động khoảng 12 giờ (ở mức lưu lượng 5ml/h nếu sử dụng pin mới). Pin Alkaline: - Sử dụng bốn pin loại LR6, cỡ AA pin kiềm DC 6V Thời gian hoạt động khoảng 24 giờ (ở mức lưu lượng 5ml/h nếu sử dụng pin mới). Nguồn cung cấp AC: 0.05A Nguồn cung cấp DC: 0.4A - <u>Sử dụng các loại ống tiêm:</u> TOP, TERUMO, NIPRO, KMS, B-D, MONOJEC (ngoại trừ ống tiêm 50ml) và B. BRAUN cộng với một ống tiêm bổ sung được đăng ký bởi người dùng cho mỗi kích cỡ ống tiêm (10ml, 20ml, 30ml và 50ml) Bộ kit tiêm Diprivan 1% cỡ 20ml, 50ml - <u>Phạm vi tốc độ dòng chảy :</u> 0.1 ~ 300.0ml/giờ (ống tiêm 10ml) 0.1 ~ 400.0ml/giờ (ống tiêm 20ml) 0.1 ~ 500.0ml/giờ (ống tiêm 30ml) 0.1 ~ 1200.0ml/giờ (ống tiêm 50ml) 0.1 ~ 1200.0ml/giờ (Bộ kit tiêm Diprivan 1% cỡ</p>	Cái		

<p>20ml, 50ml) (Mỗi bước cài đặt tăng 0.1ml/giờ) Giá trị mặc định: 150.0ml/giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Phạm vi truyền thuốc:</u> 0.1 ~ 1000.0mg - <u>Phạm vi truyền theo thể tích:</u> 0.1 ~ 1000.0ml - <u>Phạm vi truyền theo cân nặng:</u> 0.1 ~ 300.0kg - <u>Tỷ lệ KVO:</u> 0.01 ~ 99.99μg/kg/phút 0.01 ~ 99.99mg/kg/giờ - <u>Tỷ lệ bơm bolus:</u> 300.0ml/giờ (ống tiêm 10ml) 400.0ml/giờ (ống tiêm 20ml) 500.0ml/giờ (ống tiêm 30ml) 1200.0ml/giờ (ống tiêm 50ml, Bộ kit tiêm Diprivan 1% cỡ 20ml, 50ml) - <u>Thể tích bơm bolus:</u> ml: 0.1 – 50.0ml (mỗi bước 0.1ml) μg: 0.1 – 50000.0μg (mỗi bước 0.1μg) mg: 0.1 – 5000.0mg (mỗi bước 0.1mg) - <u>Tốc độ Purgings:</u> Khoảng 330ml/giờ (ống tiêm 10ml) Khoảng 620ml/giờ (ống tiêm 20ml) Khoảng 740ml/giờ (ống tiêm 30ml) Khoảng 1200ml/giờ (ống tiêm 50ml) - <u>Tỷ lệ truyền KVO:</u> 0.1~5.0mL/giờ (mỗi bước 0.1ml/giờ) Giá trị mặc định: 0.1mL/giờ - <u>Giới hạn thể tích cài đặt:</u> 0.1 ~ 1000.0ml - <u>Phạm vi hiển thị tổng thể tích truyền:</u> 0.0 ~ 1000.0ml - <u>Độ chính xác:</u> Độ chính xác cơ khí: \pm1% Độ chính xác kê cả ống tiêm: \pm3% <p>Trong ít nhất một giờ tiêm truyền với tốc độ dòng chảy ít nhất là 1,0ml/giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Áp suất phát hiện ngẽn:</u> Có thể cài đặt 4 mức: 			
--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> - Mức cao: $93 \pm 33\text{kPa}$ ($700 \pm 250\text{mmHg}$/$0.95 \pm 0.34 \text{ kgf/cm}^2$) - Trung bình: $67 \pm 27\text{kPa}$ ($500 \pm 200\text{mmHg}$/$0.68 \pm 0.27 \text{ kgf/cm}^2$) - Thấp: $40 \pm 20\text{kPa}$ ($300 \pm 150\text{mmHg}$/$0.41 \pm 0.2 \text{ kgf/cm}^2$) - Rất thấp: $20 \pm 10\text{kPa}$ ($150 \pm 750\text{mmHg}$/$0.2 \pm 0.1 \text{ kgf/cm}^2$) - <u>Phát hiện quá tải:</u> Khoảng 20N (2.0kgf) hoặc hơn (cho ống tiêm 10mL) Khoảng 40N (4.0kgf) hoặc hơn (cho ống tiêm 20mL) Khoảng 55N (5.5kgf) hoặc hơn (cho ống tiêm 30mL) Khoảng 80N (8.0kgf) hoặc hơn (cho ống tiêm 50mL) - <u>Báo động/ cảnh báo:</u> + Báo động ở mức cao: Nghẽn, quá tải, truyền xong, tắt nguồn, mất nguồn, lỗi máy, nhắc nhở vận hành, sai ống tiêm, vị trí đặt ống tiêm chưa đúng + Báo động ở mức thấp: Thế tích thấp, pin không có, pin yếu. + Báo hiệu (Cảnh báo): Kiểm tra cảm biến, không tốc độ truyền, không giới hạn thế tích, kiểm tra thế tích cài đặt, truyền xong (KVO), thời gian bảo trì, Standby mode, chuyển đổi nguồn cung cấp, hủy truyền Bolus, giới hạn phần mềm, giới hạn phần cứng. • Chức năng: <ul style="list-style-type: none"> - Tự động tắt nguồn: Trong thời gian vận hành pin, khi máy ngưng hoạt động trong 3 phút hoặc ở trạng thái báo động, âm thanh cảnh báo vang lên. Sau âm báo trong 3 phút nếu như không tắt đi thì máy sẽ tự động tắt nguồn. - Lặp lại âm báo: trong thời gian hoạt động, nếu có âm báo đã vang lên mà chưa được tắt thì sau 2 phút âm báo sẽ tự động báo lại. - Cảnh báo khi chuyển đổi nguồn: một âm báo vang lên khi chuyển đổi mục đích từ nguồn AC sang DC và máy chuyển đổi qua vận hành bằng pin. - Chức năng KVO: khi máy đã truyền xong, tự động chuyển sang chế độ giữ ven theo tốc độ đã 			
--	--	--	--

<p>cài đặt để phòng ngừa huyết khối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng chờ: Báo động chờ có thể thiết lập tạm thời - Cài đặt âm báo: Sự có mặt hoặc mất đi của âm chờ và âm hoạt động có thể được cài đặt - Chức năng nhớ sự kiện: quá trình hoạt động của máy Start/ Stop, cảnh báo, thay đổi tốc độ truyền, nguồn on/off... chúng ta có thể kiểm tra. - Chức năng khóa bàn phím: Trong quá trình truyền dịch, đặt máy ở trạng thái khóa phím thì tất cả các phím ngoại trừ các phím nguồn, ánh sáng và im lặng đều bị tắt - Chức năng giới hạn ống tiêm: Có thể cài đặt lựa chọn nhãn hiệu ống tiêm - Chức năng chuyển đổi hiển thị giới hạn thể tích: Dù giới hạn thể tích nào thì được hiển thị và có thể xem - Chức năng làm tươi pin sạc: Thực hiện thao tác làm mới để duy trì hiệu suất của pin. - Chức năng nhắc bảo dưỡng định kỳ: Màn hình nhắc nhở hiển thị khi đến thời gian được cài đặt trước - Chức năng thiết lập giá trị giới hạn trên của dòng chảy: Có thể cài đặt giá trị giới hạn trên của lưu lượng truyền - Chức năng đăng ký ống tiêm người dùng: có thể đăng ký ống tiêm chưa được đăng ký cho máy - Chức năng lưu giữ thuốc truyền: cung cấp thông tin thuốc đã đăng ký trước đó và đã cài đặt sẵn - <u>Môi trường hoạt động:</u> Nhiệt độ môi trường: 5 – 40 độ C Độ ẩm: 20 – 90% (không ngưng tụ) Áp suất: 70 – 106kPa. - <u>Môi trường lưu trữ và vận chuyển</u> - Nhiệt độ: -20 – 45 độ C - Độ ẩm: 10 – 95% (không ngưng tụ) <u>Áp suất: 50 – 106kPa.</u> - <u>Chuẩn an toàn:</u> Class II, Type CF, IPX2 - Cầu chì: 			
---	--	--	--

	<p>T0.1AL</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ kiện: Cáp nguồn AC, Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh- Việt - Bảo trì, bảo dưỡng: 3 tháng/lần, 4 lần/ trên năm - Cung cấp đầy đủ chứng từ theo máy CO, CQ, Tờ khai hải quan nhập khẩu... 			
02	<p>MÁY ĐIỆN XUNG ĐIỀU TRỊ 2 KÊNH</p> <p>*Thông số kỹ thuật: Chuẩn đoán điện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn đoán điện với sơ đồ đường cong I/t - Tự động tính toán ngưỡng dòng điện, thời gian điều trị cũng như hệ số thích nghi <p>Các chương trình điều trị cài sẵn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 69 chương trình điều trị được cài đặt sẵn - 50 chương trình dùng cho người sử dụng để lưu chương trình riêng - 69 chương trình điều trị phổ biến - 38 chương trình điều trị theo chuỗi cài sẵn - 10 chương trình trống để lưu chuỗi do người dùng cài đặt - Sử dụng 2 kênh điện xung độc lập - Hoạt động ở 2 chế độ: Điều chỉnh bằng tay và tự động - Có các chương trình điều trị và chuỗi cài sẵn - Hình ảnh mô tả khu vực điều trị - Chọn chương trình điều trị theo tên hoặc theo bệnh - Hiện danh sách các chương trình thường hay dùng - Với âm thanh kêu trong khi và kết thúc quá trình điều trị - Có thể lưu các chương trình điều trị vào bộ nhớ của máy - Hệ thống tự động kiểm tra trước khi điều trị - Tự động đảo cực - Màn hình cảm ứng $\geq 7''$ - Đồng hồ thời gian thực <p>Điện trị liệu:</p>	Cái		

<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động ở chế độ CC và CV - Tự động test điện cực - Dòng một chiều đơn cực trong chế độ gián đoạn - Dòng điện phân đầy đủ giữa các kênh trong mỗi chế độ - Dòng giao thoa (bao gồm: isoplanar, dynamic, one-channel AMF(trung tần xoay chiều) - TENS (dòng đối xứng, dòng bất đối xứng, dòng xen kẽ, dòng Burst) - TENS cho điều trị co cứng - Kotz' - dòng kích thích nga - Tonolysis - Diadynamic (MF-dòng xung một pha cố định, DF-dòng xung 2 pha cố định, CP-dòng chu kỳ ngắn, CP-ISO-dòng chu kỳ ngắn ISO, LP-dòng chu kỳ dài). -Xung chữ nhật, xung tam giác - Xung Trabert, Xung Leduc - Dòng Đơn cực tăng sin - Dòng Galvanic - Vi dòng <p>Bộ điều khiển tối đa hóa dòng tới bệnh nhân (CC mode):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dòng giao thoa, KOTZ, dòng sin đơn cực: 100mA - TE : 140mA - Diadynamic, pulse : 60mA - Galvanic : 40mA - Tonolysis : 100mA - Vi dòng : 1000uA - Điện áp tới mạch bệnh nhân lớn nhất (CV mode): 140V - Thời gian điều trị: 1 – 60 phút - Nguồn cung cấp: 230V/50 Hz/75W/90VA - Bảo trì, bảo dưỡng: 3 tháng/lần, 4 lần/ trên năm - Cung cấp đầy đủ chứng từ theo máy CO, CQ, chứng từ nhập khẩu... 			
--	--	--	--

2. Thời gian nhận báo giá : Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 19/01/2026.

Kính mời các Công ty cung cấp quan tâm và đáp ứng yêu cầu trên, đề nghị liên hệ và gửi báo giá đến Khoa Dược –TTB&VTYT - Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình.

Địa chỉ : Số 654, quốc lộ 1A - Ấp TT B - Xã Hòa Bình - T. Cà Mau

Điện thoại : 0918.777.880 Ds.Diệp

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Các công ty báo giá;
- Lưu: VT.



Tăng Phương Thanh